

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 27/HNGĐ/ST
Ngày 04-05-2020
V/v “Xin L hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Trung và ông Nguyễn Hưng.

-Thư ký phiên tòa: Bùi Văn Cảnh, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B không tham gia.

Ngày 04 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 966/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc: “Xin L hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2020/QĐXX-ST ngày 02/03/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐ HPT ngày 19/03/2020 và Thông báo hoãn phiên tòa (tránh dịch bệnh) số: 187/TB-TA ngày 01 tháng 04 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1984; Trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Tạm trú tại: Đại lộ L, phường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An, (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Chu Văn H, sinh năm 1984; Trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố B, bà L trình bày:*

Tôi và ông H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở yêu thương tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 27/06/2006 tại UBND xã D, huyện Diên C, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tôi có cho cậu tôi mượn một số tiền lớn nhưng không có khả năng thu hồi được, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Tôi đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được

và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên chúng tôi đã L thân nhau từ tháng 10-2019 cho đến nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn được nữa, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được L hôn ông H.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Chu Quốc H1, sinh ngày 12/11/2006 và Chu Quốc B, sinh ngày 25/02/2015. Hiện nay cháu Chu Quốc H1 đang ở với tôi nên tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Còn cháu Chu Quốc B, đang sống cùng với ông Chu Văn H nên tôi đồng ý để cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Nếu ông H không lên Tòa án để làm việc thì tôi xin được nuôi cả 2 cháu (H1 và B) cho đến khi 2 cháu đủ 18 tuổi.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn cố tình lẩn tránh, nên Tòa án không ghi được ý kiến của bị đơn và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả cuộc thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án: “Xin L hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

- Bị đơn (ông H), đã được Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H, theo thủ tục quy định chung.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đến với nhau bằng tình cảm yêu thương tự nguyện và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và quan tâm gì tới nhau, ông bà đã cố gắng khắc phục và đã nhiều lần được gia đình, anh em, bạn bè khuyên giải và chính quyền địa phương can thiệp, nhưng không có kết quả. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, nên ông bà đã L thân nhau từ tháng 10-2019 cho đến nay. Nay, nguyên đơn yêu

cầu Tòa án giải quyết cho bà được L hôn ông H. Điều này chứng tỏ rằng: Tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H, đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin L hôn của bà L cần được chấp nhận, phù hợp với Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Ông bà có 02 con chung là: Chu Quốc H1, sinh ngày 12/11/2006 và Chu Quốc B, sinh ngày 25/02/2015. Bà L luôn có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 cháu (H1 và B), đến khi 2 cháu (H1 và B) đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt. Vì thế, Tòa án không ghi được ý kiến của ông H về yêu cầu này của nguyên đơn. Qua xem xét hồ sơ vụ án cho thấy: Ông H không có trách nhiệm gì đến gia đình và con cái. Do vậy, nghĩ để cuộc sống của 2 cháu (H1 và B) được đảm bảo thì cần giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 2 cháu (H1 và B) đủ 18 tuổi, là phù hợp với Điều 69, 70, 71, 72 Luật hôn nhân gia đình và Điều 12 Luật B vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4] *Về tài sản*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] *Về án phí*: Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì bà L phải chịu án phí HNGĐ-ST là: 300.000đồng.

- *Vì các lẽ trên*;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1,2,3 Điều 144; 145; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 69, 70, 71, 72 Luật hôn nhân gia đình và Điều 12 Luật B vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

** Chấp nhận đơn khởi kiện xin L hôn và nuôi con chung của bà Võ Thị L.*

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Xử cho bà Võ Thị L được L hôn ông Chu Văn H.

2. *Về con chung*: Giao cho bà Võ Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Quốc H1, sinh ngày 12/11/2006 và Chu Quốc B, sinh ngày 25/02/2015 đến khi cháu H1 và cháu B đủ 18 tuổi.

Ông H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. *Về tài sản*: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số AA/2019/0005415 ngày 09 - 12 - 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

6. *Về quyền kháng cáo*: Bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS TP.B;
- CCTHA DS TP.B;
- UBND xã D, huyện Diên C, tỉnh Nghệ An;
- Lưu H.sơ;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị An